

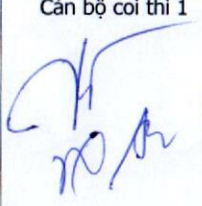
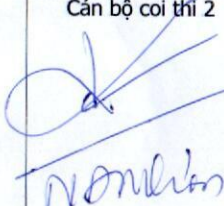
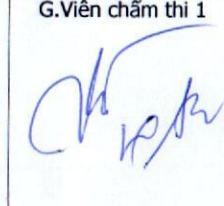
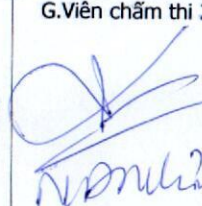
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh) (228249) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (280096)**

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A			An	9,0	8,3	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A			Bình	9,5	8,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A			Danh	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A			Duy	9,0	8,3	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A			Đạt	9,5	8,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A			Hậu	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A			Mỹ	9,0	8,3	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A			Nam	9,5	8,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A			Nham	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A			Nhan	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A			Phong	10	8,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A			Thắng	10	8,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120180028	LÊ MINH THOẠI	07/02/2002	CCQ2018A			Thoai	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A			Tri	9,0	8,3	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120180034	PHAN MINH VƯƠNG	12/11/2001	CCQ2018A			Vuong	9,0	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9